

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 858/2018/DS-PT
Ngày: 25-9-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Xuân Trang

Ông Uông Văn Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và 25 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2013/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3088/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5930/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Địa chỉ: Số 70 – 72 đường B, phường H, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hồ Hùng A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Đức N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 9 – 11 Tầng 15 đường Đ, phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 0936/2018/UQ-TCB ngày 24/5/2018).

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1965;

2. Bà Trương Thị Phương H, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số 157/60 đường R, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phương H: Ông Nguyễn Thành N;

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003591 ngày 08/3/2013, lập tại Văn phòng công chứng Gia Định).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng I;

Địa chỉ trụ sở: Số 252 đường H, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 269/11 đường T, phường C, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Phương H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần T trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Phương H vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng số 00567/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 27/01/2011 và Hợp đồng tín dụng số 00568/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 27/01/2011 mục đích vay để mua 02 căn hộ A5 và A6, tầng 18, tại địa chỉ 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng I (sau đây viết tắt là Công ty I) làm chủ đầu tư; lãi suất vay linh hoạt, thời hạn vay 228 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, ngày đến hạn là 28/01/2030. Ngày 28/01/2011, ông N và bà H đã được Ngân hàng giải ngân tổng số tiền là 1.858.106.250 đồng theo hai khế ước nhận nợ số 00567 và số 00568 cùng ngày.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là tài sản hình thành trong tương lai, cụ thể là:

1. Căn hộ A5, tầng 18, loại 2 phòng ngủ, diện tích 105m² thuộc Cao ốc E tại địa chỉ 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hợp đồng thế chấp số 00567/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 27/01/2011, số đơn đăng ký giao dịch bảo đảm: CE11002730 BD ngày 28/01/2011);

2. Căn hộ A6, tầng 18, loại 2 phòng ngủ, diện tích 105m² thuộc Cao ốc E tại địa chỉ 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hợp đồng thế chấp số 00568/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 27/01/2011, số đơn đăng ký giao dịch bảo đảm: CE11002731 BD ngày 28/01/2011).

Ngoài ra, giữa Ngân hàng và ông N, bà H với Công ty I còn ký “Cam kết ba bên” số 00567 và 00568 vào cùng ngày 27/01/2011 về xử lý trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng nêu trên, ông N và bà H không trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà H trả nợ nhưng không thực hiện.

Tính đến ngày 25/9/2013, ông N và bà H còn nợ Ngân hàng các khoản nợ sau:

- Đối với Hợp đồng số 00567/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN, số tiền nợ vốn là 977.952.500 đồng, nợ lãi là 509.319.159 đồng, tổng cộng 1.487.271.659 đồng;
- Đối với Hợp đồng số 00568/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN, số tiền nợ vốn là 800.073.750 đồng, nợ lãi là 322.921.077 đồng, tổng cộng 1.122.994.827 đồng.

Tổng cộng hai khoản nợ là 2.610.266.486 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N và bà H thanh toán tổng số nợ nói trên và phải tiếp tục trả lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt nợ. Ngân hàng không đồng ý giảm tiền lãi.

Hiện nay, Ngân hàng đang giữ của ông N, bà H các bản chính các giấy tờ: Hợp đồng mua bán căn hộ số 31B/HĐMBSS ngày 21/11/2010, Ngân hàng sẽ trả lại khi ông N và bà H trả xong hết nợ.

Trường hợp ông N và bà H không trả nợ thì yêu cầu cho phát mãi tài sản thế chấp là 02 căn hộ A5 và A6 nêu trên để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Phương H có ông Nguyễn Thành N đại diện ủy quyền trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng, giữa Ngân hàng và ông bà có ký kết Hợp đồng tín dụng, Cam kết ba bên, có thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và đã giải ngân số tiền đúng như Ngân hàng đã trình bày.

Ông bà xác định tính đến ngày 25/9/2013 còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 2.610.266.486 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông bà đề nghị Ngân hàng giảm lãi và đồng ý cho phát mãi 02 căn hộ A5 và A6 nói trên để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng I có ông Nguyễn Thanh P đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty I có bán cho ông N và bà H 02 căn hộ A5 và A6, tầng 18 loại 02 phòng ngủ, diện tích 105m², thuộc Cao ốc E tại địa chỉ số 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu. Công ty đã nhận tổng cộng 5.236.481.250 đồng. Hiện nay, dự án xây dựng căn hộ chưa hoàn thành nên Công ty I chưa bàn giao căn hộ và giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu căn hộ cho ông N, bà H. Công ty xác nhận có ký “Cam kết ba bên” số 00567 và 00568 cùng ngày 27/01/2011 để Ngân hàng cho ông N và bà H vay số tiền 1.858.106.250 đồng vào ngày 28/01/2011 thanh

toán một phần tiền mua căn hộ. Đến hết ngày 30/9/2013, ông N và bà H không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, Công ty đồng ý hỗ trợ Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là Công ty đồng ý bàn giao tài sản hình thành trong tương lai là 02 căn hộ A5 và A6, tầng 18 loại 02 phòng ngủ, diện tích 105m², thuộc Cao ốc E tại địa chỉ số 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu và Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản (nếu có) cho Ngân hàng để thực hiện phát mãi thu hồi nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2013/DS-ST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Trương Thị Phương H cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T các khoản nợ vốn và lãi tính đến ngày 25/9/2013 gồm:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 00567/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN, số tiền nợ vốn là 977.952.500 đồng, số tiền nợ lãi là 509.319.159 đồng, tổng cộng là 1.487.271.659 đồng;

- Khoản nợ theo Hợp đồng số 00568/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN, số tiền nợ vốn là 800.073.750 đồng, số tiền nợ lãi là 322.921.077 đồng, tổng cộng là 1.122.994.827 đồng.

Tổng cộng hai khoản nợ là 2.610.266.486 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Cùng với việc trả số nợ trên, ông N và bà H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP T khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2013 cho đến khi trả dứt nợ, mức lãi suất phải trả được tính trên số nợ vốn còn lại theo các Hợp đồng tín dụng tương ứng nói trên mà các bên đã giao kết.

Sau khi ông N và bà H trả nợ xong thì Ngân hàng TMCP T phải trả cho ông N, bà H các bản chính các giấy tờ: Hợp đồng mua bán căn hộ số 31B/HĐMBSS và Hợp đồng mua bán căn hộ số 32B/HĐMBSS ký cùng ngày 21/11/2010.

Nếu ông N và bà H không trả số nợ trên thì Công ty TNHH TM-DV-KT-XD I sẽ bàn giao tài sản hình thành trong tương lai là 02 căn hộ A5 và A6, tầng 18 loại 02 phòng ngủ, diện tích 105m², thuộc Cao ốc E tại địa chỉ số 47 U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu và Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản (nếu có) cho Ngân hàng TMCP T để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP T.

Hợp đồng thế chấp số 00567/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 27/01/2011 (đăng ký giao dịch bảo đảm: CE11002730 BD ngày 28/01/2011) và Hợp đồng thế chấp số 00568/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 27/01/2011 (đăng ký giao dịch bảo đảm: CE11002731 BD ngày 28/01/2011) sẽ hết hiệu lực sau khi ông N và bà H trả xong nợ cho Ngân hàng TMCP T.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2013, ông Nguyễn Thành N và bà Trương Thị Phương H kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 509/2014/DS-PT ngày 17/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Buộc ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Phương H và Công ty TNHH TM-DV-KT-XD I cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T các khoản nợ vốn và lãi tính tổng cộng hai khoản là 2.610.266.486 đồng (trong đó tiền vốn là 977.952.500 đồng + 800.073.750 đồng = 1.778.026.250 đồng, lãi là 509.319.159 đồng + 322.921.077 đồng = 832.240.236 đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N, bà H và Công ty TNHH TM-DV-KT-XD I chưa thực hiện việc trả nợ thì ông N, bà H và Công ty TNHH TM-DV-KT-XD I phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ông N, bà H và Công ty I trả nợ xong thì Ngân hàng TMCP T phải trả cho ông N, bà H các bản chính các giấy tờ: Hợp đồng mua bán căn hộ số 31B/HĐMBSS ngày 21/11/2010.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N, bà H và Công ty TNHH TM-DV-KT-XD I phải chi số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 84.205.000 đồng (Tám mươi bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.752.015 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn không trăm mười lăm đồng) theo Biên lai thu số 00872 ngày 14/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông N và bà H không phải chi.

Hoàn 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm ông N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02293 ngày 14/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Hoàn 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02290 ngày 14/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Sau khi xét xử phúc thẩm, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần T có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 509/2014/DS-PT ngày 17/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/4/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ

Chí Minh đã kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 509/2014/DS-PT ngày 17/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2017/DS-GĐT ngày 24/11/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 509/2014/DS-PT ngày 17/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người kháng cáo – ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Phương H có ông Nguyễn Thành N đại diện ủy quyền trình bày: Yêu cầu phía Công ty I cùng có trách nhiệm trả nợ theo Bản cam kết ba bên ký kết giữa Ngân hàng, Công ty I và vợ chồng ông; yêu cầu Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ do không còn khả năng trả nợ, sau khi phát mãi tài sản thế chấp trả nợ Ngân hàng, nếu còn tiền yêu cầu trả lại cho vợ chồng ông.

- Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần T trình bày: Yêu cầu ông N, bà H có trách nhiệm thanh toán nợ và lãi theo hợp đồng đã ký kết. Nếu ông N, bà H không trả nợ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là hai căn hộ A5 và A6 tầng 18 Cao ốc Silver Sea Tower tại địa chỉ số 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu để thu hồi nợ.

Ngân hàng cung cấp thêm các chứng cứ mới gồm:

- Công văn số 337/CV.TMTH ngày 09/12/2014 của Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (viết tắt là G) V/v phúc đáp Công văn số 2203/CV-AMCMN của Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

- Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng giữa G, Công ty I với Ngân hàng Thương mại cổ phần Gia Định.

- Bản cam kết giữa G và Công ty I (đính kèm danh sách căn hộ bàn giao).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Do có tình tiết mới, cần phải triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là G, Ngân hàng Thương mại cổ phần Gia Định, hai người mua căn hộ 18A5 và 18A6 vào tham gia tố tụng mới giải quyết được

vụ án; do đó, đề nghị hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty I đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt; do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn – Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ mới liên quan đến việc Công ty I hợp tác cùng G xây dựng dự án E tại địa chỉ số 47 đường U, Phường O, Thành phố Vũng Tàu và hai Công ty đã thế chấp toàn bộ lô đất dự án cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A năm 2009. Ngày 17/6/2011, giữa Công ty I và G ký Bản cam kết về việc thỏa thuận bàn giao dự án và nhận trách nhiệm thanh toán nợ vay Ngân hàng – dự án: Đầu tư cao ốc Silver Sea Tower; do đó, Công ty I đã bàn giao toàn bộ dự án cho G (có danh sách căn hộ kèm theo trong đó có hai căn hộ A5 và A6 tầng 18). Ngày 16/10/2012, G đã bán căn hộ 18A5 cho bà Phạm Thị Ngọc Tt, căn hộ 18A6 cho bà Vũ Thị B và hiện nay hai khách hàng đang sinh sống tại căn hộ đã mua. Hiện nay G đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ cho các khách hàng mua hai căn hộ trên theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm xuất hiện các chứng cứ mới, các chứng cứ này thể hiện vụ án còn liên quan đến G, Ngân hàng Thương mại cổ phần G, bà Vũ Thị B và bà Phạm Thị Ngọc T mà cần thiết phải đưa các đương sự nói trên vào tham gia tố tụng mới giải quyết được triệt để vụ án và cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; mặt khác, tài sản thế chấp hiện G đã bán cho bà B, bà T và hiện gia đình họ đang sinh sống tại đây, tài sản thế chấp không còn không đảm bảo về việc thi hành án và để đảm bảo ở hai cấp xét xử nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy án sơ thẩm giao vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí, nguyên đơn đã nhận lại số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm 36.752.015 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn không trăm mười lăm đồng) theo Quyết định Thi hành án chủ động số 706/QĐ-CCTHADS ngày 08/12/2016 và Ủy nhiệm chi số S17/0084 ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8; nguyên đơn phải nộp lại tạm ứng án phí sơ thẩm khi vụ án được giải quyết lại ở cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do hủy án sơ thẩm nên ông N, bà H được hoàn trả mỗi người 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 16/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2016 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0000477 ngày 13/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 thì số tiền

này đã khấu trừ vào việc thi hành án phí đối với ông N, bà H nhưng xét phải hoàn trả cho ông N, bà H.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1/ Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2013/DS-ST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần T với bị đơn – ông Nguyễn Thành N, bà Trương Thị Phương H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng I.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn đã nhận lại số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm 36.752.015 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn không trăm mười lăm đồng) theo Quyết định Thi hành án chủ động số 706/QĐ-CCTHADS ngày 08/12/2016 và Ủy nhiệm chi số S17/0084 ngày 16/12/2016. Nguyên đơn phải nộp lại tạm ứng án phí sơ thẩm khi vụ án được giải quyết lại ở cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông N, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông N, bà H mỗi người 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/02290 và số AA/2011/02293 cùng ngày 14/10/2013.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- TAND Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu:(T/20)

Vũ Thị Thu Hương